Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÌNH LẬP
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
Thời gian ký: 26/08/2025 08:18:48

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ ĐÌNH LẬP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020

(Kèm theo Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Địa điểm thu hồi đất: Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn

Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Sau đây viết tắt là Phương án BT, HT, TĐC)

a) Tổng diện tích đất thu hồi: 105,0 m² , trong đó:

- Đất giáo dục và đào tạo 90,0 m²
- Đất rừng sản xuất 15,0 m²

b) Tổng số người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi: 5

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: không.

d) Phương án bố trí tái định cư: không.

đ) Phương án di dời mồ mả: không.

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng: không.

g) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 21.339.000 đồng, gồm:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ: 21.339.000 đồng
- Chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC: Không

h) Tiến độ thực hiện phương án BT, HT, TĐC

- Chủ đầu tư Dự án: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Phương án được phê duyệt, có trách nhiệm chuyển kinh phí BT, HT, TĐC đến Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn.
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn: Có trách nhiệm thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

i) Phương án chi tiết về BT, HT, TĐC đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản tại Phụ lục kèm theo gồm:

- Phụ lục I : Tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Phụ lục II : Bồi thường về đất.
- Phụ lục III : Bồi thường cây trồng, vật nuôi.
- Phụ lục IV : Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

k) Các nội dung khác liên quan đến BT, HT, TĐC: không.

Phụ lục I

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020

(Kèm theo Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Đơn vị tính: đồng

TT	Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản			Bồi thường		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số điện thoại	Đất	Cây trồng, vật nuôi		
1	2	3	4	5	6	7	9
TỔNG CỘNG PHƯƠNG ÁN				**3.150.900**	**18.038.400**	**150.000**	**21.339.300**
LÀM TRÒN							**21.339.000**
1	Hộ ông Dương Trung Điện bà Hoàng Thị Thúy	Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập	0353154699	258.750	12.726.400	75.000	**13.060.150**
2	Hộ ông Dương Dì Kim	Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập	0353154699		2.936.000		**2.936.000**
3	Hộ ông Triệu Văn Châm, bà Hoàng Thị Hòa	Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập	0366449104	1.084.500	Không		**1.084.500**
4	Hộ ông Dương Dì Quẩy	Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập		1.807.650	Không	75.000	**1.882.650**
5	Trường Tiểu Học Thôn Ngàn Chả	Thôn Ngàn Chả, xã Đình Lập			2.376.000		**2.376.000**

Phụ lục II

BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020

(Kèm theo Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT		Loại đất	Trích đo ĐC		Vị trí	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích bồi thường hạn chế hành lang	Giấy tờ về quyền sử dụng đất								Xác nhận của UBND xã Bính Xá					Giá bồi thường (đồng/m²)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa				Loại giấy tờ	Số	Ngày cấp; Ngày lập	Tên người sử dụng đất	Số thửa	Số tờ BĐ	Diện tích (m²)	Mục đích SDĐ	Nguồn gốc SDĐ	Thời điểm SDĐ	Hiện trạng sử dụng	Việc SDĐ ổn định	Tranh chấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
TỔNG CỘNG PHƯƠNG ÁN						**105,0**	**2.050,6**															**3.150.900**	
1	**Hộ ông Dương Trung Điện bà Hoàng Thị Thúy**					**7,5**	**147,5**															**258.750**	
	1.1	Đất rừng sản xuất	37-2022	**7**	III	3,8		Không								Bố mẹ tặng cho	2013	Trồng cây keo	Ổn Định	Không	5.000	19.000	Cột 38
	1.2	Đất rừng sản xuất	36-2022	179	III		56,0	GCN	BI 167662		Hộ ông Dương Nho Kim, bà Triệu Thị Múi	179	5	107.516,0	RSX						5.000	84.000	Cột 37
	1.2	Đất rừng sản xuất	37-2022	179	III	3,7	91,5	GCN	BI 167662		Hộ ông Dương Nho Kim, bà Triệu Thị Múi	179	5	107.516,0	RSX						5.000	155.750	Cột 38
2	**Hộ ông Triệu Văn Châm, bà Hoàng Thị Hòa**						**723,0**															**1.084.500**	
	2.1	Đất rừng sản xuất	37-2022	152	III		111,6	GCN	BG 489434	21/3/2011	Hộ ông Triệu Văn Châm, bà Hoàng Thị Hoà	152	5	203.948,1	RSX						5.000	167.400	Hành lang cột 38-39
	2.2	Đất rừng sản xuất	37-2022	152	III		611,4	GCN	BG 489434	21/3/2011	Hộ ông Triệu Văn Châm, bà Hoàng Thị Hoà	152	5	203.948,1	RSX						5.000	917.100	Hành lang cột 38-39
3	**Hộ ông Dương Dì Quẩy**					**7,5**	**1.180,1**															**1.807.650**	
	3.1	Đất rừng sản xuất	36-2022	169	III	7,5	1.180,1	GCN	BI 167661		Ông Dương Dì Quẩy	169	5	77.105,0	RSX						5.000	1.807.650	Cột 35

*** Giải thích từ viết tắt:**

1 . ĐC : Địa chính

2 . GCN : Giấy chứng nhận gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

3 . SDĐ : Sử dụng đất

4 . BĐ : Bản đồ

Phụ lục III

BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020

(Kèm theo Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT		Người có cây trồng; Loại cây trồng	Phân loại cây trồng	Tiêu chí	Đơn vị tính	Số lượng	MĐ quy chuẩn (Cây/ha)	Diện tích trong mật độ (m²)	Trồng chuyên canh					Trồng xen kẽ			Đơn giá (Đồng)	BT 60% giá trị cây hàng năm trồng xen kẽ cây lâu năm	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
									Tổng số	Trong MĐ	Vượt MĐ dưới 50%		Vượt MĐ từ trên 50%	Tổng số	Trong MĐ	Vượt MĐ				
											Số lượng	Diện tích								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	19	20
TỔNG CỘNG																			**18.038.400**	
1		**Hộ ông Dương Trung Điện bà Hoàng Thị Thúy**																	**12.726.400**	
		Thửa 152, 179 mảnh trích đo 37-2022 (hành lang cột 39-38-37: 870,5 m²)						***870,0***												
	1.1	Cây sau sau (BVCS)	Cây Thông	ĐKG >30cm	Cây	9	2.000	45,0						9	9		293.000			Bồi thường 50% đơn giá
			Cây Thông	ĐKG >20-30cm	Cây	*3*	2.000	15,0						*3*	*3*		135.000			
	1.2	Cây gỗ tạp (BVCS)	Cây Muồng	ĐKG >10-20cm	Cây	1	800	-						1		1	44.000			
			Cây Muồng	ĐKG >20-30cm	Cây	*5*	800	25,0						*5*	*2*	3	117.000			
			Cây Muồng	ĐKG >30cm	Cây	2	800	25,0						2	2		145.000			
	1.3	Cây Keo	Cây Keo	ĐKG từ 2-5cm	Cây	*3*	2.000	-						*3*		3	30.000		27.000	
			Cây Keo	ĐKG >5-10cm	Cây	47	2.000	235,0						47	47		70.000		3.290.000	
			Cây Keo	ĐKG >10-20cm	Cây	34	2.000	170,0						34	34		100.000		3.400.000	
	1.4	Cây Thông	Cây Thông	ĐKG từ 5-10cm	Cây	1	2.000	-						1		1	28.000		8.400	
			Cây Thông	ĐKG >20-30cm	Cây	8	2.000	40,0						8	8		135.000		1.080.000	
			Cây Thông	ĐKG >30cm	Cây	5	2.000	25,0						5	5		293.000		1.465.000	
	1.5	Cây gỗ tạp (BVCS)	Cây Muồng	ĐKG >20-30cm	Cây	11	800	-						11		11	117.000			Bồi thường 50% đơn giá
			Cây Muồng	ĐKG >30cm	Cây	4	800	50,0						4	4		145.000			
	1.6	Cây Hồi	Cây Hồi	ĐKG từ 2-5cm	Cây	12	500	240,0						12	12		288.000		3.456.000	
2		**Hộ ông Dương Dì Kim**																	**2.936.000**	
		Thửa số 7,179 (hành lang cột 37-38)						**385,0**												
	2.1	Cây Hồi	Cây Hồi	ĐKG <2cm	Cây	8	500	160,0						8	8		115.000		920.000	
			Cây Hồi	ĐKG từ 2-5cm	Cây	7	500	140,0						7	7		288.000		2.016.000	
	2.2	Cây sau sau (BVCS)	Cây Thông	ĐKG >30cm	Cây	7	2.000	35,0						7	7				-	Bồi thường 50% đơn giá
	2.3	Cây gỗ tạp (BVCS)	Cây Muồng	ĐKG >20-30cm	Cây	1	800	12,5						1	1				-	
			Cây Muồng	ĐKG >30cm	Cây	3	800	37,5						3	3				-	
3		**Trường Tiểu Học Thôn Ngàn Chả**																	**2.376.000**	
		Thửa số 5 Mảnh trích đo 37-2022 (Trạm biến áp) DT hành lang 90,0m²						**50,0**												
	3.1	Cây Bưởi	Cây Bưởi	ĐKG >15cm	Cây	1	400	25,0						1	1		1.188.000		1.188.000	
	3.2	Cây Mận	Cây Mận	ĐKG >15cm	Cây	1	400	25,0						1	1		1.188.000		1.188.000	

Phụ lục IV

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-

(Kèm theo Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT		Loại đất	Mảnh TĐĐC	Số thửa	Vị trí, nhóm	DT thu hồi (m^2)	Đơn giá (Đồng)	Mức hỗ trợ (lần)	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11
TỔNG CỘNG PHƯƠNG ÁN						**13,2**			**150.000**
1	**Hộ ông Dương Trung Điện bà Hoàng Thị Thúy**					**3,8**			**75.000**
	1.1	Đất rừng sản xuất	37-2022	7	III	3,8	5.000	2	38.000
	1,2	Đất rừng sản xuất	37-2022	179	III	3,7	5.000	2	37.000
2	**Hộ ông Dương Dì Quẩy**					**7,5**			**75.000**
	2.1	Đất rừng sản xuất	36-2022	169	III	7,5	5.000	2	75.000